

Số: 05./2022/CBTT

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

- Mã chứng khoán: BMJ

- Địa chỉ: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại liên hệ: 0274.3688.126

Fax: 0274.3688.125

- E-mail: [ahpminerals2019@gmail.com](mailto:ahpminerals2019@gmail.com)

- Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

- Loại thông tin công bố:  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ  bất thường

2. Nội dung thông tin công bố:

**Báo cáo tài chính năm 2021.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31./3./2022 tại đường dẫn: [www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter](http://www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Người đại diện theo pháp luật

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BẢO LONG**



Số: 01 /CV/QLTC\_2022

“V/v Giải trình biến động lợi nhuận  
năm 2021”

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.



Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cơ sở kinh doanh: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Địa chỉ: 112/125 Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 3700927878, đăng ký thay đổi lần 6, ngày 20/04/2021.

Ngành nghề kinh doanh chính:

**Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét**

Chi tiết: Khai thác khoáng sản trừ khai thác cát

**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác**

**Xây dựng công trình công ích chi tiết**; Thi công, xây dựng các công trình xây công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

**Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết**; Sản xuất công bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cầu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung.

**Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết**; Mua, bán công bê tông cốt thép các loại; Bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cầu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.

**Xây dựng nhà các loại chi tiết**; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.

**Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết**; Thi công, xây dựng các công trình giao thông.

**Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí chi tiết**; Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, điều hòa không khí; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết**; Cho thuê xe, máy, thiết bị; Lắp đặt hệ thống điện.

**Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết;** Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).

**Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết;** Sản xuất các cấu kiện kim loại.

**Chuẩn bị mặt bằng chi tiết;** Sẵn lắp mặt bằng.

**Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết;** Xây dựng nền móng; Đóng cọc; Ép cọc.

**Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.**

**Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết;** Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân công vào đầu chi tiết; Mua, bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế).

**Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết;** Mua, bán mặt hàng trang trí nội thất.

Mã số thuế: 3700927878

Căn cứ thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP xin giải trình việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 với năm 2020 như sau;

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021 (1)	Năm 2020 (2)	Chênh lệch	
				VND=(1)-(2)	%=(1)-(2)/(2)
	<b>BCTC năm 2021</b>				
1	Tổng doanh thu	82.810.444.078	97.923.607.731	(15.113.163.653)	-15,43%
2	Lợi nhuận sau thuế	19.073.521.197	21.612.081.790	(2.538.560.593)	-11,75%

Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các vùng lân cận...là nơi công ty cung cấp các sản phẩm chính và các công trình công ty đã tổ chức thi công xây dựng trong thời gian vừa qua. Vì vậy trước tình hình diễn biến dịch bệnh phức tạp, toàn tỉnh thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16+, việc cung cấp sản phẩm và các công trình của công ty đều phải tạm dừng thi công cũng như công tác nghiệm thu quyết toán công trình đều phải dừng lại trong thời gian này. Do đó việc ghi nhận doanh thu năm 2021 sụt giảm đáng kể so với năm 2020 dẫn đến lợi nhuận giảm so với cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020.

**Trân trọng !**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
MIỀN ĐÔNG AHP**



**NGUYỄN BẢO LONG**

Nơi nhận :

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Lưu



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 20/04/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700927878.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: BMJ

Trụ sở chính của Công ty tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng.

#### Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

##### *Hội đồng quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Anh Quân	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 29/03/2021
Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/03/2021
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Bảo Long	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	Được bầu ngày 28/03/2021

##### *Ban kiểm soát*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm</i>
Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Huy Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	

##### *Ban Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Bảo Long	Tổng giám đốc	
Ông Phạm Thành Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/01/2021

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Bảo Long – Tổng Giám đốc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn một số điều về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Nguyễn Bảo Long**

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**  
Accountants &  
business advisers

Số : 044/2022/BCKT-PB.00315

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Việt Cường**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2505-2019-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.829.761.702</b>	<b>97.263.189.755</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>48.140.372.970</b>	<b>63.195.116.639</b>
1. Tiền	111		3.140.372.970	7.195.116.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	56.000.000.000
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.288.708.665</b>	<b>26.960.388.624</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.492.625.695	24.956.290.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.642.377.336	1.424.926.558
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	699.999.621	579.171.621
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(546.293.987)	-
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>82.014.382.041</b>	<b>5.901.253.862</b>
1. Hàng tồn kho	141		82.014.382.041	5.901.253.862
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.386.298.026</b>	<b>1.206.430.630</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.356.727.639	1.206.430.630
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.029.570.387	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>254.532.465.659</b>	<b>63.951.397.209</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.221.018.705</b>	<b>3.011.263.927</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	3.221.018.705	3.011.263.927
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.713.150.489</b>	<b>46.957.114.853</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	47.711.112.350	5.779.209.759
- Nguyên giá	222		90.275.111.085	45.206.446.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.563.998.735)	(39.427.236.343)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	40.002.038.139	41.177.905.094
- Nguyên giá	228		44.113.002.004	44.113.002.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.110.963.865)	(2.935.096.910)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>8.583.892.372</b>	<b>8.583.892.372</b>
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>145.700.000.000</b>	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		145.700.000.000	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.314.404.093</b>	<b>5.399.126.057</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.314.404.093	5.061.092.042
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	338.034.015
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>406.362.227.361</b>	<b>161.214.586.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.763.128.369</b>	<b>61.876.146.715</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.000.363.191</b>	<b>31.409.881.537</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	5.802.011.926	10.093.505.895
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.949.581.573	267.634.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.217.526.403	4.255.418.567
4. Phải trả người lao động	314		656.918.800	874.826.796
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	10.547.779.842	13.088.293.764
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	498.614.321	986.386.870
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	4.387.912.177	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		940.018.149	1.843.815.351
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.762.765.178</b>	<b>30.466.265.178</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	27.455.001.251	27.455.001.251
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	6.296.500.000	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	3.011.263.927	3.011.263.927
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>342.599.098.992</b>	<b>99.338.440.249</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>342.599.098.992</b>	<b>99.338.440.249</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(164.500.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.018.991.974	11.018.991.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.744.607.018	28.319.448.275
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.671.085.821	9.949.178.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.073.521.197	18.370.269.522
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>406.362.227.361</b>	<b>161.214.586.964</b>



Nguyễn Bảo Long  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Đào Huỳnh Kim  
Kế toán trưởng

Phan Minh Tiến  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	76.061.039.328	97.270.510.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>76.061.039.328</b>	<b>97.270.510.811</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	50.286.369.229	60.955.542.189
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25.774.670.099</b>	<b>36.314.968.622</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.533.527.370	118.603.069
7. Chi phí tài chính	22	6.4	214.056.002	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214.056.002	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.858.512.119	3.215.989.989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.659.575.551	8.355.839.925
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>22.576.053.797</b>	<b>24.861.741.777</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	215.877.380	534.493.851
12. Chi phí khác	32	6.8	600.264.669	259.513.299
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(384.387.289)</b>	<b>274.980.552</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.191.666.508</b>	<b>25.136.722.329</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3.118.145.311	3.524.640.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.073.521.197</b>	<b>21.612.081.790</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	719	3.422
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	188	684



Nguyễn Bảo Long  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Đào Huỳnh Kim  
Kế toán trưởng

Phan Minh Tiến  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND  
Năm 2021 Năm 2020

Chỉ tiêu	MS	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>22.191.666.508</b>	<b>25.136.722.329</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.312.629.347	3.323.001.684
- Các khoản dự phòng	03	546.293.987	967.691.527
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.533.527.370)	(264.057.614)
- Chi phí lãi vay	06	214.056.002	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>20.731.118.474</b>	<b>29.163.357.926</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.886.060.807	(3.142.329.667)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(76.113.128.179)	(4.648.525.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.671.766.947)	4.766.122.423
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.403.609.060)	(2.675.967.400)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(214.056.002)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15	(3.734.236.035)	(3.508.001.482)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.984.401.291)	(1.247.012.651)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(66.504.018.233)</b>	<b>18.707.643.824</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45.068.664.983)	(2.433.181.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	160.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(145.700.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.533.527.370	118.603.069
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(184.235.137.613)</b>	<b>(2.154.578.749)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	240.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	11.331.412.177	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(647.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.000.000.000)	(2.995.222.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>235.684.412.177</b>	<b>(2.995.222.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(15.054.743.669)</b>	<b>13.557.842.575</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>63.195.116.639</b>	<b>49.637.274.064</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>48.140.372.970</b>	<b>63.195.116.639</b>



Nguyễn Bảo Long  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Đào Huỳnh Kim  
Kế toán trưởng

Phan Minh Tiên  
Người lập biểu

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 20/04/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700927878.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: BMJ

Trụ sở chính của Công ty tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh khai thác đá vật liệu xây dựng.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát);
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản;
- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng;
- Dịch vụ nhà ở công nhân;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dự trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 11
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### *Quyền khai thác khoáng sản*

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đá xây dựng được phép khai thác từ ngày 21/06/2019. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo sản lượng khai thác thực tế trong năm.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

#### 4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá*

Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

#### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, chi phí vẽ xe... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.11 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về chi phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng đang được Công ty trích theo số tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương. Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường thì khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán thành phẩm;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán thành phẩm.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Áp dụng giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

## **4.16 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## **4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	669.760.603	311.701.719
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.470.612.367	6.883.414.920
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	56.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng</i>	45.000.000.000	56.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.140.372.970</b>	<b>63.195.116.639</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>125.092.746</b>	-	<b>3.743.208.185</b>	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	125.092.746	-	2.521.362.884	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	1.221.845.301	-
<b>Các bên khác</b>	<b>7.367.532.949</b>	<b>(546.293.987)</b>	<b>21.213.082.260</b>	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	5.358.823.568	-	8.871.180.254	-
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	-	3.787.322.550	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Khăng Tiến	-	-	4.968.163.938	-
Công ty TNHH Một thành viên Phụng Tân Tiến	257.922.963	-	608.511.591	-
Công ty TNHH Xây Dựng và Cầu Đường Anh Tuấn	380.186.540	(380.186.540)	-	-
Công ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Bình Dương	230.153.496	(161.107.447)	-	-
Các đối tượng khác	1.140.446.382	(5.000.000)	2.977.903.927	-
<b>Cộng</b>	<b>7.492.625.695</b>	<b>(546.293.987)</b>	<b>24.956.290.445</b>	-

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>9.538.756.336</b>	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	9.538.756.336	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>103.621.000</b>	-	<b>1.424.926.558</b>	-
Trả trước cho người bán khác	103.621.000	-	1.424.926.558	-
<b>Cộng</b>	<b>9.642.377.336</b>	-	<b>1.424.926.558</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.4 Phải thu khác****5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>699.999.621</b>	-	<b>579.171.621</b>	-
Tạm ứng cho CBCNV	78.528.000	-	7.700.000	-
Phải thu lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	570.384.846	-	570.384.846	-
Các đối tượng khác	51.086.775	-	1.086.775	-
<b>Cộng</b>	<b>699.999.621</b>	-	<b>579.171.621</b>	-

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược (*)	3.221.018.705	-	3.011.263.927	-
<b>Cộng</b>	<b>3.221.018.705</b>	-	<b>3.011.263.927</b>	-

(\*) Tiền ký quỹ phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác.

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Bình Dương	230.153.496	69.046.049	230.153.496	230.153.496
Công ty TNHH Xây Dựng và Cầu Đường Anh Tuấn	380.186.540	-	380.186.540	380.186.540
Công ty CP Thẩm Định Giá E Xim	10.000.000	5.000.000	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>620.340.036</b>	<b>74.046.049</b>	<b>620.340.036</b>	<b>620.340.036</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	219.389.388	-	270.597.394	-
Công cụ, dụng cụ	1.015.736.045	-	665.697.052	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	67.364.500.000	-	-	-
Thành phẩm	12.388.325.678	-	849.219.676	-
Hàng hóa	1.026.430.930	-	4.115.739.740	-
<b>Cộng</b>	<b>82.014.382.041</b>	-	<b>5.901.253.862</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**(\*) Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Chi phí dở dang dự án BĐS P.Tân Định - TX.Bến Cát (i)	67.364.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>67.364.500.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(i) Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY158877; CR673675; CR673676; CR673674; CR673651; CR673652.

**5.7 Chi phí trả trước****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Vỏ xe	-	50.868.173
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	312.329.000	434.571.666
Chi phí khác	1.044.398.639	720.990.791
<b>Cộng</b>	<b><u>1.356.727.639</u></b>	<b><u>1.206.430.630</u></b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá	2.951.492.611	1.933.515.418
Phụ tùng	409.090.907	-
Chi phí thuê đất	3.749.747.615	-
Chi phí khác	2.204.072.960	3.127.576.624
<b>Cộng</b>	<b><u>9.314.404.093</u></b>	<b><u>5.061.092.042</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	4.915.241.668	27.361.534.858	12.747.604.576	182.065.000	45.206.446.102
Mua trong năm	-	42.892.304.892	2.176.360.091	-	45.068.664.983
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>4.915.241.668</b>	<b>70.253.839.750</b>	<b>14.923.964.667</b>	<b>182.065.000</b>	<b>90.275.111.085</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2021	4.439.178.084	23.652.066.593	11.204.036.296	131.955.370	39.427.236.343
Khấu hao trong năm	143.712.828	2.629.786.065	323.175.807	40.087.692	3.136.762.392
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>4.582.890.912</b>	<b>26.281.852.658</b>	<b>11.527.212.103</b>	<b>172.043.062</b>	<b>42.563.998.735</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2021	476.063.584	3.709.468.265	1.543.568.280	50.109.630	5.779.209.759
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>332.350.756</b>	<b>43.971.987.092</b>	<b>3.396.752.564</b>	<b>10.021.938</b>	<b>47.711.112.350</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 13.005.230.150 đồng, tại 01/01/2021 là 0 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 36.645.010.280 đồng, tại 01/01/2021 là 31.850.390.279 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2021	43.928.002.004	185.000.000	44.113.002.004
Số dư tại 31/12/2021	43.928.002.004	185.000.000	44.113.002.004
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư tại 01/01/2021	2.802.256.655	132.840.255	2.935.096.910
Khấu hao trong năm	1.152.741.959	23.124.996	1.175.866.955
Số dư tại 31/12/2021	3.954.998.614	155.965.251	4.110.963.865
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2021	41.125.745.349	52.159.745	41.177.905.094
Số dư tại 31/12/2021	39.973.003.390	29.034.749	40.002.038.139

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 0 đồng, tại 01/01/2021 là 0 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 0 đồng, tại 01/01/2021 là 0 đồng.

**5.10 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uni Town tại Khu 3, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.

**5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	145.700.000.000	-	(*)	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bình Dương (i)	145.700.000.000	-	(*)	-	-	-
<b>Cộng</b>	145.700.000.000	-	-	-	-	-

(i) Công ty nhận chuyển nhượng 235.000 cổ phần chiếm 3,8% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bình Dương theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP/AHP ngày 28 tháng 09 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>19.049.298</b>	<b>19.049.298</b>	<b>1.009.981.021</b>	<b>1.009.981.021</b>
Công ty CP Đá Ốp Lát An Bình	19.049.298	19.049.298	1.009.981.021	1.009.981.021
<b>Các bên khác</b>	<b>5.782.962.628</b>	<b>5.782.962.628</b>	<b>9.083.524.874</b>	<b>9.083.524.874</b>
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	1.727.185.521	1.727.185.521	4.847.948.398	4.847.948.398
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	569.536.000	569.536.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư TM Mạnh Cường	679.567.900	679.567.900	976.687.800	976.687.800
Các đối tượng khác	2.806.673.207	2.806.673.207	3.258.888.676	3.258.888.676
<b>Cộng</b>	<b>5.802.011.926</b>	<b>5.802.011.926</b>	<b>10.093.505.895</b>	<b>10.093.505.895</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.640.363.634</b>	<b>1.640.363.634</b>	-	-
Công ty CP Đá Ốp Lát An Bình	1.640.363.634	1.640.363.634	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>309.217.939</b>	<b>309.217.939</b>	<b>267.634.294</b>	<b>267.634.294</b>
Công ty TNHH Xây Dựng Vĩnh Phát	-	-	74.047.012	74.047.012
Công ty TNHH Tư vấn XD Phước Trường	52.813.815	52.813.815	69.603.315	69.603.315
Các đối tượng khác	256.404.124	256.404.124	123.983.967	123.983.967
<b>Cộng</b>	<b>1.949.581.573</b>	<b>1.949.581.573</b>	<b>267.634.294</b>	<b>267.634.294</b>

**5.14 Chi phí phải trả****5.14.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước tiền lương	-	514.252.084
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	10.300.964.704	11.574.041.680
Các khoản trích trước khác	246.815.138	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.547.779.842</b>	<b>13.088.293.764</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.14.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.455.001.251	27.455.001.251
<b>Cộng</b>	<b>27.455.001.251</b>	<b>27.455.001.251</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021		
Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND		
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	<b>332.069.849</b>	<b>332.069.849</b>	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	-	-	332.069.849	332.069.849	
<i>Các bên khác</i>	<b>498.614.321</b>	<b>498.614.321</b>	<b>654.317.021</b>	<b>654.317.021</b>	
Kinh phí công đoàn	34.326.776	34.326.776	10.834.808	10.834.808	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	464.287.545	464.287.545	643.482.213	643.482.213	
<i>Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng</i>	402.229.955	402.229.955	608.774.185	608.774.185	
<i>Phải trả khác</i>	62.057.590	62.057.590	34.708.028	34.708.028	
<b>Cộng</b>	<b>498.614.321</b>	<b>498.614.321</b>	<b>986.386.870</b>	<b>986.386.870</b>	

**5.16 Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng chi phí cải tạo phục hồi môi trường	3.011.263.927	3.011.263.927
<b>Cộng</b>	<b>3.011.263.927</b>	<b>3.011.263.927</b>

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.558.056.179	1.584.596.072	973.460.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.489.530	3.734.236.035	3.118.145.311	916.580.254
Thuế thu nhập cá nhân	8.438.343	212.361.090	170.245.273	50.554.160
Thuế tài nguyên	1.780.911.378	5.890.093.120	5.562.767.872	2.108.236.626
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	14.245.958	14.245.958	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	127.687.152	1.183.481.120	1.104.580.852	206.587.420
<b>Cộng</b>	<b>2.217.526.403</b>	<b>13.592.473.502</b>	<b>11.554.581.338</b>	<b>4.255.418.567</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính****5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	
<b>Vay của các bên khác</b>	<b>4.180.172.177</b>	<b>4.180.172.177</b>	<b>4.180.172.177</b>	-	-
Ngân hàng chính sách xã hội - PGD Phú Giáo (*)	207.740.000	207.740.000	207.740.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (**)	4.180.172.177	4.180.172.177	4.180.172.177	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.387.912.177</b>	<b>4.387.912.177</b>	<b>4.387.912.177</b>	-	-

**5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	
<b>Vay của các bên khác</b>	<b>6.296.500.000</b>	<b>6.296.500.000</b>	<b>6.943.500.000</b>	<b>647.000.000</b>	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (***)	6.296.500.000	6.296.500.000	6.943.500.000	647.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.296.500.000</b>	<b>6.296.500.000</b>	<b>6.943.500.000</b>	<b>647.000.000</b>	-

(\*) Hợp đồng tín dụng số 711176538/2021/HĐTĐ ngày 06/12/2021:

- Số tiền vay, đồng tiền cho vay: 207.740.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên;
- Mục đích: Trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh tháng 10 năm 2021;

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Lãi suất vay: 0%/năm.
- (\*\*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 3017417301/2021-HĐCVHM/NHCT680-AHP ngày 31/12/2021:
  - Số tiền vay, đồng tiền cho vay: 4.180.172.177 đồng;
  - Thời hạn cho vay: 06 tháng;
  - Mục đích: Thanh toán chi phí NVL, công nợ trong nước;
  - Lãi suất: 6,2%/năm.
- (\*\*\*) Hợp đồng cho vay cụ thể số 01.3017417301/2021-HĐCVCT/NHCT680-AHP ngày 26/07/2021:
  - Số tiền vay, đồng tiền cho vay: 3.454.500.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: Tối đa 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;
  - Mục đích: Thanh toán/Bù đắp chi phí mua "Máy đào bánh xích Hitachi Zaxis 460LCH" theo Hợp đồng mua bán số HDM-19/AHP/AL050321 ngày 05/03/2021 và "Máy rải bê tông nhựa Voegle S1800-2" theo Hợp đồng mua bán số HDMB/AHP-NV ngày 12/05/2021;
  - Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh.
- Hợp đồng cho vay cụ thể số 02.3017417301/2021-HĐCVCT/NHCT680-AHP ngày 26/08/2021:
  - Số tiền vay, đồng tiền cho vay: 2.035.000.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: Tối đa 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;
  - Mục đích: Thanh toán/Bù đắp chi phí mua "Máy đào bánh xích Kobelco SK320-6" theo Hợp đồng mua bán số HDM-30/AHP-VN/090721 ngày 09/07/2021 và "Máy đào bánh lốp Komatsu PW130-7K" theo Hợp đồng mua bán số 05/07/2021;
  - Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh.
- Hợp đồng cho vay cụ thể số 03.3017417301/2021-HĐCVCT/NHCT680-AHP ngày 31/12/2021:
  - Số tiền vay, đồng tiền cho vay: 1.454.000.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: Tối đa 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;
  - Mục đích: Thanh toán/Bù đắp chi phí mua "Máy xúc lật bánh lốp Komatsu WA500-6" theo Hợp đồng mua bán số HDMB-15/ABG-AHP/2021 ngày 09/09/2021 và "Máy đào bánh xích Hitachi EX355LC" theo Hợp đồng mua bán số HDMB-16/ABG-AHP/2021 ngày 09/09/2021;
  - Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	<b>8.857.783.795</b>	<b>12.949.178.753</b>	<b>81.806.962.548</b>				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.612.081.790	21.612.081.790				
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)				
Trích lập quỹ năm trước (*)	-	-	-	2.161.208.179	(3.241.812.268)	(1.080.604.089)				
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	<b>11.018.991.974</b>	<b>28.319.448.275</b>	<b>99.338.440.249</b>				
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	<b>11.018.991.974</b>	<b>28.319.448.275</b>	<b>99.338.440.249</b>				
Tăng vốn trong năm nay	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000				
Lãi trong năm	-	-	-	-	19.073.521.197	19.073.521.197				
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)				
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(164.500.000)	-	-	-	(164.500.000)				
Thù lao HĐQT, BKS, BTK (*)	-	-	-	-	(648.362.454)	(648.362.454)				
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(164.500.000)</b>	<b>(164.500.000)</b>	<b>11.018.991.974</b>	<b>31.744.607.018</b>	<b>342.599.098.992</b>				

(\*) Trong năm Công ty chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2021:

Năm 2020	
	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.161.208.179
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.080.604.089
Chia cổ tức	15.000.000.000
Thù lao HĐQT, BKS, BTK	648.362.454
<b>Cộng</b>	<b>18.890.174.722</b>

Trích quỹ đầu tư phát triển  
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Chia cổ tức  
Thù lao HĐQT, BKS, BTK

**Cộng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	4.479.600	44.796.000.000	14,9%	4.479.600	44.796.000.000	74,7%
Nguyễn Thị Kim Thanh	2.420.145	24.201.450.000	8,1%	482.609	4.826.090.000	8,0%
Trương Hữu Quyền	641.400	6.414.000.000	2,1%	627.900	6.279.000.000	10,5%
Các cổ đông khác	22.458.855	224.588.550.000	74,9%	409.891	4.098.910.000	6,8%
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	240.000.000.000	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>6.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	76.061.039.328	97.270.510.811
<b>Cộng</b>	<b>76.061.039.328</b>	<b>97.270.510.811</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	9.183.689.439	5.460.927.978
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	15.096.460.454	6.250.676.810
<b>Cộng</b>	<b>24.280.149.893</b>	<b>11.711.604.788</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	50.286.369.229	60.955.542.189
<b>Cộng</b>	<b>50.286.369.229</b>	<b>60.955.542.189</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.520.140.550	9.630.785
Lãi tiền ký quỹ	13.386.820	108.972.284
<b>Cộng</b>	<b>6.533.527.370</b>	<b>118.603.069</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	214.056.002	-
<b>Cộng</b>	<b>214.056.002</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí vận chuyển	1.776.344.178	1.903.392.103
Các khoản chi phí bán hàng khác	82.167.941	1.312.597.886
<b>Cộng</b>	<b>1.858.512.119</b>	<b>3.215.989.989</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.566.564.437	5.014.014.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	335.935.548	455.496.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.702.839	1.283.445.055
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.097.372.727	1.602.883.743
<b>Cộng</b>	<b>7.659.575.551</b>	<b>8.355.839.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	145.454.545
Thu hộ tiền điện các hộ dân	210.493.121	257.944.119
Các khoản khác	5.384.259	131.095.187
<b>Cộng</b>	<b>215.877.380</b>	<b>534.493.851</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nộp phạt vi phạm hành chính	50.000.000	-
Chi phí tiền điện trả thay các hộ dân	210.491.056	257.944.119
Chi phí khác	339.773.613	1.569.180
<b>Cộng</b>	<b>600.264.669</b>	<b>259.513.299</b>

**6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>22.191.666.508</b>	<b>25.136.722.329</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>80.800.000</b>	<b>39.281.523</b>
<i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	<i>80.800.000</i>	<i>39.281.523</i>
Các khoản điều chỉnh tăng	80.800.000	99.281.523
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>80.800.000</i>	<i>99.281.523</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(60.000.000)
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>22.272.466.508</b>	<b>25.176.003.852</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>4.454.493.302</b>	<b>5.035.200.770</b>
<b>Thuế TNDN được miễn, giảm (*)</b>	<b>(1.336.347.990)</b>	<b>(1.510.560.231)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>3.118.145.311</b>	<b>3.524.640.539</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.118.145.311</b>	<b>3.524.640.539</b>

(\*) Áp dụng giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	19.073.521.197	21.612.081.790
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	19.073.521.197	21.612.081.790
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.080.604.089)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	26.531.246	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>719</b>	<b>3.422</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	75.000.000	24.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>188</b>	<b>684</b>

(\*) Theo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2021 với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 75.000.000 cổ phiếu với mệnh giá: 10.000 đồng/ 01 cổ phiếu và tỷ lệ thực hiện quyền mua 1:2,5 cho các cổ đông hiện hữu.

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.990.926.085	21.335.540.256
Chi phí nhân công	9.939.362.634	11.233.969.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.312.629.347	3.323.001.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.169.333.895	30.821.263.869
Chi phí khác bằng tiền	9.888.257.179	2.586.000.297
<b>Cộng</b>	<b>68.300.509.140</b>	<b>69.299.776.016</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1. Nợ tiềm tàng**

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương thay thế Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 13/06/2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty CP Khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013 là 8.122.769.899 đồng (tăng 3.249.106.819 đồng so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13/06/2014).

Ngày 20/01/2014 Công ty cùng các Công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác trong thời gian trên.

Theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/05/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất,

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/07/2014 về hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty chưa ghi nhận chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 trong thời gian trên trong Báo cáo tài chính.

Ngày 12/09/2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên. Hiện tại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

### 7.2. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

### 7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.3.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ("ACC") Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Ông Nguyễn Bảo Long là Chủ tịch HĐQT Công ty con của Công ty ACC

#### 7.3.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng trong kỳ trình bày tại phụ lục 01 đính kèm.*

*Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 7.3.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ("ACC")</b>		
Chia cổ tức	2.239.800.000	2.239.800.000
Thu tiền	29.767.414.242	15.315.809.137
Mượn dầu	-	1.039.330.909
Thu tiền vé bán đá và công	-	8.604.378.597
Trả dầu	285.814.800	707.261.060
<b>Công ty CP Đá ốp lát An Bình</b>		
Cung cấp điện năng	8.408.014	22.725.000
Thuê tài sản	1.009.981.021	-
Thu tiền	13.000.000.000	4.520.781.879
Thanh toán tiền thuê xe	3.123.299.551	1.804.432.142
Thanh toán tiền khoan lỗ mìn	817.836.800	-
Thanh toán tiền mua sắm máy móc	3.720.000.000	-

**7.3.4. Số dư với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

**7.4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh bán đá thành phẩm và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**7.5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – CN Phía Bắc.

**7.6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**7.7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



**Nguyễn Bảo Long**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**Đào Huỳnh Kim**  
Kế toán trưởng

**Phan Minh Tiến**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Thông tin về thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Thông tin về tiền lương, tiền thưởng, tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm:

		Năm 2021	Năm 2020
		Thu nhập VND	Thu nhập VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>388.936.245</b>	<b>275.446.080</b>
Phạm Xuân Phương	Chủ tịch	97.200.000	82.633.824
Nguyễn Đình Trường	TV HĐQT	-	55.089.216
Đỗ Mạnh Cường	TV HĐQT	71.300.000	45.907.680
Nguyễn Hải Đăng	TV HĐQT	38.900.000	45.907.680
Nguyễn Bảo Long	TV HĐQT	64.836.245	-
Nguyễn Quốc Thanh	TV HĐQT	38.900.000	-
Ngô Anh Quân	TV HĐQT	38.900.000	-
Hoàng Xuân Quang	TV HĐQT	38.900.000	45.907.680
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>613.240.379</b>	<b>950.704.500</b>
Nguyễn Hải Đăng	Tổng Giám đốc	-	153.907.500
Võ Thành Tài	Tổng Giám đốc	-	204.837.500
Nguyễn Bảo Long	Tổng Giám đốc	567.682.954	185.080.000
Phạm Thành Sơn	P.TGD	45.557.425	406.879.500
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.002.176.624</b>	<b>1.226.150.580</b>